TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 65/2021/HC-ST
Ngày: 30/3/2021
V/v khiếu kiện QĐ hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TPHN.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Khuất Văn San.

2. Bà Nguyễn Thị Thúy.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Tuyết Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân TPHN.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thanh phố Hà Nội tham gia phiên tòa:** Ông Trần Chí Thành - Kiểm sát viên.

Các ngày 24 và 30/3/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận TPHN xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 57/2020/TLST-HC ngày 31/3/2020 về khiếu kiện đối với các Quyết định hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân TPHN, Chủ tịch và Ủy ban nhân dân quận B.T.L trong lĩnh vực quản lý đất đai, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2021/QĐ-ST ngày 05/3/2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 42/2021/QĐST-HC ngày 17/03/2021, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Ông N.V.N, sinh năm 1960.

Trú tại: TDP Y.N 1, phường L.M, quận B.T.L, Tp Hà Nội. (Có mặt).

Người đại diện hợp pháp cho người khởi kiện: Ông Nguyễn Phan Hào; trú tại: Tổ dân phố trung 6, phường Tây Tựu, quận B.T.L, TPHN. (Có mặt).

2. Người bị kiện:

2.1 Chủ tịch UBND TPHN.

Địa chỉ: Số 79, phố Đinh Tiên Hoàng, quận Hoàn Kiếm, TPHN.

Người đại diện hợp pháp cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông

Chu Ngọc Anh – chức vụ: Chủ tịch UBND TPHN.

Ông Nguyễn Trọng Đông, chức vụ: Phó Chủ tịch UBND TPHN là người đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch UBND TPHN. (Văn bản ủy quyền: Giấy ủy quyền số 03/GUQ-UBND ngày 11/1/2021 về việc tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án hành chính sơ thẩm). (Có đơn xin vắng mặt).

2.2 Ủy ban nhân dân quận B.T.L.

2.3 Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B.T.L.

Địa chỉ: Lô C, đường Văn Tiến Dũng, phường Minh Khai, quận B.T.L, TPHN.

Người đại diện hợp pháp của người bị kiện: Ông Lưu Ngọc Hà là người đại diện theo pháp luật của UBND quận B.T.L (Chức vụ: Chủ tịch UBND quận B.T.L). (Có đơn xin xử vắng mặt).

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người bị kiện: Ông Lê Quang Việt, chức vụ: Tổ phó tổ GPMB thuộc Trung tâm phát triển quỹ đất. (Có đơn xin vắng mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1 Ủy ban nhân dân phường L.M.

Địa chỉ: Số 55, phố Y.N, phường L.M, quận B.T.L, TPHN.

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Huy Tưởng là người đại diện theo pháp luật của UBND phường L.M (Chức vụ: Chủ tịch UBND phường L.M).

Ông Đoàn Mạnh Hùng, chức vụ: Phó Chủ tịch UBND phường L.M là người đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch UBND phường L.M (Văn bản ủy quyền: Quyết định số 499/QĐ-UBND ngày 23/12/2020). (Có đơn xin vắng mặt).

3.2 Hợp tác xã Y.N.

Địa chỉ: Phường L.M, quận B.T.L, TPHN.

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Văn Chiến, chức vụ: Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của HTX Y.N. (Có đơn xin vắng mặt).

3.3 Ông L.Đ.V, sinh năm 1978.

3.4 Bà N.T.T, sinh năm 1985.

3.5 Ông N.V.C, sinh năm 1987.

3.6 Cháu L.Đ.L, sinh năm 2003.

3.7 Cháu L.Đ.V, sinh năm 2007.

Trú tại: TDP Y.N 1, phường L.M, quận B.T.L, Tp Hà Nội. (Có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ, nội dung vụ án như sau:

Ngày 10/12/2007, UBND TPHN ban hành Quyết định số 4918/QĐ-UBND về việc phê duyệt nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư dự án GPMB tạo quỹ đất để xây dựng Dự án Khu công nghệ cao sinh học Hà Nội.

Ngày 23/4/2008, UBND TPHN đã ban hành Quyết định số 1462/QĐ-UBND về việc thu hồi 2.036.618m2 đất tại các xã: Tây Tựu, L.M, Thụy Phương, Minh Khai và Cổ Nhuế, huyện Từ Liêm; giao cho Trung tâm phát triển quỹ đất huyện Từ Liêm (thuộc UBND huyện Từ Liêm) để tổ chức bồi thường, hỗ trợ và tái định cư theo quy hoạch tạo quỹ đất sạch chuẩn bị thực hiện dự án Khu công nghệ cao sinh học Hà Nội.

Thực hiện Quyết định số 1462/QĐ-UBND, UBND quận B.T.L đã thành lập Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư Quận và thành lập tổ công tác dự án thực hiện công tác thu hồi đất và công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với người sử dụng đất và chủ sở hữu tài sản trên đất nằm trong chỉ giới thu hồi đất để thực hiện dự án.

Ngày 07/6/2008, Tổ công tác GPMB dự án có Biên bản điều tra, xác minh về đất thu hồi và tài sản trên đất đã ghi nhận: Chủ sử dụng đất là UBND xã L.M, chủ tài sản là hộ gia đình ông N.V.N đang sử dụng tài sản trên diện tích 216m^2 đất thuộc thửa số 573, tờ bản đồ số 16 và diện tích 255m^2 đất thuộc thửa số 576, tờ bản đồ số 16 (Bản đồ đo vẽ năm 1994 xã L.M nay là phường L.M). Toàn bộ diện tích 417m^2 đất bị thu hồi tại dự án: Khu công nghệ cao sinh học Hà Nội.

Ngày 24/9/2008, UBND xã L.M đã có Biên bản rà soát về tài sản gắn liền trên đất đối với gia đình ông N.V.N nằm trong chỉ giới thu hồi đất phục vụ công tác giải phóng mặt bằng thực hiện dự án: Khu công nghệ cao sinh học Hà Nội tại thôn Y.N, xã L.M, huyện Từ Liêm;

Ngày 10/10/2008, UBND xã L.M (nay là UBND phường L.M) có xác nhận về đất và tài sản gắn liền trên đất nằm trong chỉ giới thu hồi đất phục vụ công tác giải phóng mặt bằng thực hiện dự án: Khu công nghệ cao sinh học Hà Nội đối với gia đình ông N.V.N với nội dung: Chủ sử dụng đất UBND xã L.M, chủ sử dụng tài sản trên đất ông N.V.N.

Ngày 04/5/2015, UBND phường L.M đã có xác nhận bổ sung về thời điểm sử dụng đất thửa đất số 576, tờ bản đồ số 16, diện tích 201m^2 và thửa đất số 607, tờ bản đồ số 16, diện tích 216m^2, gia đình ông N.V.N sử dụng trước ngày 01/7/2004.

Ngày 04/6/2015, UBND phường L.M đã có xác nhận bổ sung về thời điểm xây dựng công trình trên đất đối với gia đình ông N.V.N trước ngày 15/10/1993 và

từ sau ngày 01/7/2004 đến trước 01/7/2014. Việc xây dựng công trình vật kiến trúc không hợp pháp, không có văn bản xử lý ngăn chặn.

Ngày 11/4/2016, UBND quận B.T.L đã ban hành Quyết định số 1327/QĐ-UBND về việc thu hồi đất để thực hiện dự án Khu công nghệ cao sinh học Hà Nội với nội dung: "Thu hồi 417m^2 đất nông nghiệp không giao do UBND phường L.M quản lý (thuộc thửa đất số 576, tờ bản đồ số 16, diện tích 201m^2 và thửa đất số 607, tờ bản đồ số 16, diện tích 216m^2) bản đồ đo năm 1994 phường L.M, hiện hộ gia đình ông N.V.N hộ khẩu thường trú: Tổ dân phố Y.N 1, phường L.M, quận B.T.L đang sử dụng trước ngày 01/7/2004".

Ngày 11/4/2016, UBND quận B.T.L đã ban hành Quyết định số 1398/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ đối với hộ gia đình ông N.V.N tại dự án với nội dung bồi thường, hỗ trợ về đất, cây trồng, vật nuôi và các công trình trên đất. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ là: 224.612.414 đồng (Hai trăm hai mươi bốn triệu, sáu trăm mười hai nghìn, bốn trăm mười bốn đồng), cụ thể: Bồi thường, hỗ trợ về đất: 84.067.200 đồng; Bồi thường, hỗ trợ về hoa màu: 122.100.000 đồng; Bồi thường, hỗ trợ công trình: 18.445.214 đồng (Trong đó: công trình xây dựng trước 15/10/1993 được hỗ trợ bằng 80% đơn giá, công trình xây dựng sau ngày 01/7/2004 được hỗ trợ bằng 10% đơn giá).

Ông N.V.N làm đơn về việc khiếu nại Quyết định số 1327/QĐ-UBND và Quyết định số 1398/QĐ-UBND ngày 11/4/2016 của UBND quận B.T.L về việc thu hồi đất và phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ đối với hộ gia đình khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án Xây dựng Khu công nghệ cao sinh học tại phường L.M, quận B.T.L.

Ngày 29/7/2016, Chủ tịch UBND quận B.T.L đã ban hành Quyết định số 3104/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của ông N.V.N (Lợi), địa chỉ: Tổ dân phố Y.N 1, phường L.M, quận B.T.L (lần đầu). Theo đó, Chủ tịch UBND quận B.T.L giải quyết khiếu nại theo hướng: " Giữ nguyên Quyết định số 1327/QĐ-UBND ngày 11/4/2016 và Quyết định số 1398/QĐ-UBND ngày 11/4/2016 của UBND quận B.T.L về việc thu hồi đất và phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ chi tiết đối với hộ gia đình ông N.V.N (Lợi) khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án: Xây dựng Khu công nghệ cao sinh học tại phường L.M, quận B.T.L. Giao Hội đồng bồi thường hỗ trợ và tái định cư Quận xem xét trình UBND Quận phê duyệt bổ sung phương án bồi thường, hỗ trợ cho hộ gia đình ông N.V.N (Lợi) theo hướng: Bồi thường 100% đơn giá công trình xây dựng đối với các công trình phục vụ sản xuất nông nghiệp theo quy định của pháp luật."

Ông N.V.N (Lợi) không đồng ý với nội dung giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND quận B.T.L tại Quyết định số 3104/QĐ-UBND ngày 29/7/2016 và tiếp tục có đơn khiếu nại lần 2 gửi Chủ tịch UBND TPHN.

Ngày 15/12/2016, Chủ tịch UBND TPHN đã ban hành Quyết định số 6915/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của ông N.V.N (Lợi) (lần hai) theo hướng: "Đồng ý Quyết định số 3104/QĐ-UBND ngày 29/7/2016 của Chủ tịch UBND quận B.T.L về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông N.V.N".

UBND quận B.T.L chưa ban hành Quyết định phê duyệt bổ sung phương án BTHT cho hộ gia đình ông N.V.N theo Quyết định số 3104/QĐ-UBND ngày 29/7/2016 của Chủ tịch UBND quận B.T.L do dự án Xây dựng công nghệ cao sinh học chưa được gia hạn triển khai thực hiện dự án và chưa được ứng vốn nên chủ đầu tư chưa có cơ sở thực hiện.

Người khởi kiện trình bày: Năm 1981, gia đình ông N được HTX Y.N giao diện tích đất nông nghiệp (bao gồm đất cấy lúa, đất trồng màu khu bãi và khu sống cao) để sản xuất theo mô hình kinh tế hộ (có xác nhận của HTX Y.N) với diện tích: 1118 m^2. Năm 2000, gia đình tôi đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích 698 m^2, bao gồm: Thửa đất số 186, tờ bản đồ 8, diện tích 312 m^2; Thửa đất số 85, tờ bản đồ 15, diện tích 386 m^2.

Diện tích còn lại 420m^2 đất nông nghiệp cũng được giao từ năm 1981 nhưng chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Diện tích đất này gia đình tôi sử dụng ổn định từ lúc nhận giao khoán đến nay và đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế với Nhà nước.

Ngày 22/11/2019, ông N.V.N đã gửi đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân TPHN đề nghị Tòa án căn cứ điểm d khoản 1 điều 19, khoản 1 điều 20 nghị định 47/2014/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung theo nghị định 01/2017/NĐ-CP; khoản 2 điều 12 quyết định 10/2017 của UBND TPHN hủy 03 quyết định gồm: Quyết định số 1398/QĐ-UBND ngày 11/4/2016 của UBND quận B.T.L về phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ chi tiết; Quyết định số 3104/QĐ-UBND ngày 29/7/2016 của Chủ tịch UBND quận B.T.L về việc giải quyết đơn khiếu nại lần đầu; Quyết định số 6915/QĐ-UBND ngày 15/12/2016 của Chủ tịch UBND TPHN về việc giải quyết khiếu nại lần hai.

Yêu cầu Tòa án buộc UBND quận B.T.L ra quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ bổ sung như sau: Hỗ trợ, đào tạo chuyển đổi nghề: 417m^2*201.600 đồng*5 = 420.336.000 đồng; Hỗ trợ ổn định đời sống, sản xuất: 15.200 đồng*30kg*6 tháng*6 khẩu = 16.416.000 đồng

Tài sản trên đất: Gạch xây: (1,95+0,89)*1.315.288 đồng*20% = 747.084 đồng; Khối lượng trát: (17,64+7,84) *47.291 đồng *20% = 240.995 đồng; Giếng khoan: 2*3.209.000 đồng *20% = 1.283.600 đồng; Hàng rào lưới thép B40: 367*255.000 đồng *90% = 84.226.500 đồng. Tổng cộng là: **523.250.179 đồng** (Năm trăm hai mươi ba triệu hai trăm năm mươi nghìn một trăm bảy mươi chín đồng).

Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ bổ sung: **523.250.179 đồng** (Năm trăm hai mươi ba triệu hai trăm năm mươi nghìn một trăm bảy mươi chín đồng).

Người bị kiện Chủ tịch và UBND quận B.T.L trình bày: Diện tích 417m^2 đất do hộ gia đình ông N.V.N đang sử dụng bị thu hồi để thực hiện dự án Khu công nghệ cao sinh học là đất nông nghiệp không được giao theo Nghị định 64/CP. Do đó, ngày 11/4/2016, UBND quận B.T.L ban hành Quyết định số 1327/QĐ-UBND về việc thu hồi 417m^2 đất nông nghiệp không giao và Quyết định số 1398/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ đối với hộ gia đình ông N.V.N đã bồi thường 01 lần giá đất nông nghiệp là đúng với quy định tại khoản 2, Điều 77, Luật Đất đai năm 2013, không tính hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm bằng 5 lần giá đất nông nghiệp là đúng quy định tại khoản 1, Điều 20, Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ.

Chủ tịch UBND quận B.T.L đã ban hành Quyết định số 3104/QĐ-UBND ngày 29/7/2016 về việc giải quyết khiếu nại lần đầu đối với ông N.V.N tại dự án: Xây dựng Khu công nghệ cao sinh học Hà Nội là đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục, nội dung đảm bảo quy định của pháp luật.

UBND quận B.T.L và Chủ tịch UBND quận B.T.L giữ nguyên các quyết định hành chính và các văn bản hành chính đã ban hành đối với hộ gia đình ông N.V.N, địa chỉ Tổ dân phố Y.N, phường L.M, B.T.L khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án Xây dựng Khu công nghệ cao sinh học tại phường L.M, quận B.T.L. Kiến nghị Tòa án Nhân dân TPHN nghiên cứu và xét xử vụ án theo đúng quy định pháp luật.

Người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân TPHN trình bày: Sau khi kiểm tra, rà soát hồ sơ giải quyết khiếu nại của ông N.V.N, Chủ tịch UBND TPHN khẳng định nội dung Quyết định số 6915/QĐ-UBND ngày 15/12/2016 về việc giải quyết khiếu nại là đúng quy định pháp luật. Đến nay, Chủ tịch Ủy ban nhân dân TPHN không có ý kiên khác gì với quan điểm đã thể hiện tại Quyết định số 6915/QĐ-UBND ngày 15/12/2016.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là Ủy ban nhân dân phường L.M trình bày: Nhất trí với các nội dung trình bày của UBND quận B.T.L.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Hợp tác xã Y.N: Hộ gia đình ông N.V.N được HTX Y.N giao đất sản xuất nông nghiệp bao gồm cả phần diện tích khu sống cao từ thời điểm khoán 100 năm 1981 theo chỉ thị 100/CT/TW ngày 13/01/1981 của Ban Bí thư về việc cải tiến hình thức giao khoán mở rộng đến từng hộ gia đình cá nhân. Tại thời điểm giao đất không có biên bản giao bằng giấy mà giao bằng miệng trực tiếp tại hiện trường và quản lý theo phương án thu sản phẩm một năm hai vụ của hợp tác xã; tuy nhiên do thời gian lâu ngày lên phương án thời điểm đó bị mối mọt xông không còn lưu trữ được. Đến năm 1988, khi thực hiện

hình thức khoán 10 theo Nghị quyết 10 của Bộ Chính trị thì diện tích sản xuất của hộ ông N.V.N vẫn không thay đổi mà chỉ thay đổi sản lượng giao khoán.

Năm 1999, khi thực hiện giao đất nông nghiệp theo nghị định 64-NĐ/CP của Chính phủ thì địa phương (hội đồng giao đất xã) chỉ lập phương án cân đối trên giấy tờ chứ không giũ ra giao lại trong đó chỉ cân đối đất lúa hai vụ còn đất trồng màu gồm khu Sống cao và đất bãi ngoài đê trung ương giữ nguyên không đưa vào cân đối. Chính vì vậy toàn bộ diện tích các hộ đang sử dụng gần như không có xáo trộn gì và hầu như người dân không quan tâm đến việc có được cấp giấy chứng nhận hay không vì họ vẫn sản xuất ổn định bình thường, vẫn giao nộp đầy đủ nghĩa vụ tài chính với HTX từ năm 1981 đến nay.

Vì vậy, HTX Y.N xác nhận hộ ông N.V.N vẫn sản xuất ổn định trên tổng diện tích được giao từ năm 1981 trong đó có phần diện tích khu sống cao hiện đang thuộc vị trí thu hồi thực hiện dự án khu Công nghệ cao sinh học Hà Nội. Thực hiện đóng, nộp đầy đủ nghĩa vụ tài chính với nhà nước và HTX từ năm 1981 đến nay.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị Thúy**,** ông Nguyễn Văn Chính**,** ông Lưu Đình Vương thống nhất với yêu cầu khởi kiện của ông N.V.N.

Tại phiên tòa:

Người khởi kiện giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không đề nghị Tòa án xem xét hủy Quyết định số 1398/QĐ-UBND ngày 11/4/2016 của UBND quận B.T.L về phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ chi tiết; Quyết định số 3104/QĐ-UBND ngày 29/7/2016 của Chủ tịch UBND quận B.T.L về việc giải quyết đơn khiếu nại lần đầu; Quyết định số 6915/QĐ-UBND ngày 15/12/2016 của Chủ tịch UBND TPHN về việc giải quyết khiếu nại lần hai. Người khởi kiện yêu cầu Tòa án căn cứ điểm d khoản 1 điều 19, khoản 1 điều 20 nghị định 47/2014/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung theo nghị định 01/2017/NĐ-CP; khoản 2 điều 12 quyết định 10/2017 của UBND TPHN buộc UBND quận B.T.L ra quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ bổ sung như sau: Hỗ trợ, đào tạo chuyển đổi nghề: 417m^2*201.600 đồng*5 = 420.336.000 đồng; Hỗ trợ ổn định đời sống, sản xuất: 15.200 đồng*30kg*6 tháng*6 khẩu = 16.416.000 đồng.

Người khởi kiện rút yêu cầu khởi kiện về hỗ trợ tài sản trên đất vì quyền lợi đã được Quyết định giải quyết khiếu nại đảm bảo.

Người đại diện hợp pháp cho người khởi kiện: Đề nghị Tòa án xem xét đến nguồn gốc đất, quá trình sử dụng đất để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông N.

Đại diện người bị kiện Chủ tịch UBND TPHN, Chủ tịch và UBND quận B.T.L, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan UBND phường L.M, HTX L.M, các thành viên trong hộ gia đình ông N có đơn xin xử vắng mặt.

Đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên toà phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân TPHN. Quá trình tham gia tố tụng của các đương sự, quá trình tiến hành tố tụng của thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án và của Hội đồng xét xử tại phiên toà đã thực hiện đúng quy định của pháp luật Tố tụng hành chính.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 3; Điều 30, khoản 4 Điều 32 Luật TTHC, Luật đất đai 2013; Luật tổ chức chính quyền địa phương, Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; Nghị quyết 326/NQ-HĐTP ngày 30/12/2016 không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông N.V.N

Về án phí: Ông N.V.N là người cao tuổi nên không phải chịu án phí theo qui định của pháp luật.

Sau khi xem xét, đánh giá khách quan toàn diện những tài liệu chứng cứ được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, lời trình bày của đương sự, quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân TPHN.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Đối tượng khởi kiện: Đơn khởi kiện của ông N.V.N đề nghị Tòa án hủy bỏ Tòa án hủy 03 quyết định hành chính gồm: Quyết định số 1398/QĐ-UBND ngày 11/4/2016 của UBND quận B.T.L về phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ chi tiết; Quyết định số 3104/QĐ-UBND ngày 29/7/2016 của Chủ tịch UBND quận B.T.L về việc giải quyết đơn khiếu nại lần đầu; Quyết định số 6915/QĐ-UBND ngày 15/12/2016 của Chủ tịch UBND TPHN về việc giải quyết khiếu nại lần hai. Quyết định số 1398/QĐ-UBND và Quyết định số 3104/QĐ-UBND; số 6915/QĐ-UBND là quyết định hành chính trong quản lý nhà nước về đất đai cùng quyết định giải quyết khiếu nại được xác định quyết định hành chính cá biệt theo quy định tại khoản 2 Điều 3, Điều 30 Luật TTHC.

Căn cứ Điều 193 Luật tố tụng hành chính, khi Tòa án xem xét đối với Quyết định số 1389/QĐ-UBND thì đồng thời xem xét tính có căn cứ, hợp pháp của quyết định hành chính có liên quan là Quyết định số 1327/QĐ-UBND ngày 11/4/2016 của UBND quận B.T.L về việc thu hồi đất để thực hiện dự án Khu công nghệ cao sinh học.

Về thời hiệu khởi kiện, ngày 22/7/2019, ông N.V.N nhận được Quyết định số 6915/QĐ-UBND ngày 15/12/2016 của Chủ tịch UBND TPHN về việc giải quyết khiếu nại lần 2. Đơn khởi kiện của ông N.V.N đề ngày 22/11/2019, được gửi đến Tòa án nhân dân TPHN cùng ngày là đảm bảo về thời hiệu khởi kiện và đúng thẩm quyền giải quyết theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính.

Về tố tụng, tại phiên tòa, đại diện người bị kiện Chủ tịch UBND TPHN, Chủ tịch và UBND quận B.T.L, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan UBND phường

L.M, HTX L.M, các thành viên trong hộ gia đình ông N.V.N có đơn xin xử vắng mặt. Căn cứ Điều 157 Luật tố tụng hành chính, Tòa án xét xử vắng mặt người bị kiện Chủ tịch UBND TPHN, Chủ tịch và UBND quận B.T.L, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan UBND phường L.M, HTX L.M, các thành viên trong hộ gia đình ông N.V.N.

[2] Xét Quyết định số 1327/QĐ-UBND ngày 11/4/2016 của UBND quận B.T.L về việc thu hồi đất, thấy rằng:

Dự án Khu công nghệ cao sinh học Hà Nội là dự án phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 62 Luật đất đai 2013 nên thuộc trường hợp Nhà nước thu hồi đất giao chủ đầu tư thực hiện dự án. Thẩm quyền thu hồi đất đối với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thuộc UBND cấp huyện. Do đó, Quyết định số 1327/QĐ-UBND ngày 11/4/2016 được ban hành bởi UBND quận B.T.L là đúng thẩm quyền và có căn cứ theo quy định Điều 69 Luật đất đai 2013.

Về trình tự thủ tục ban hành quyết định, UBND quận B.T.L đã có Thông báo thu hồi đất đối với hộ gia đình ông N.V.N. UBND phường L.M đã xác nhận nguồn gốc đất. Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường đã có Tờ trình Hội đồng BTHT và TĐC dự án thông qua và UBND phường L.M tổ chức niêm yết công khai dự thảo phương án. Trên cơ sở kết quả tổng hợp ý kiến và thẩm định phương án bồi thường hỗ trợ, UBND quận B.T.L ban hành Quyết định số 1327/QĐ-UBND ngày 11/4/2016 về việc thu hồi đất đúng trình tự thủ tục quy định tại Điều 67, 69 Luật đất đai 2013.

Xét nội dung của Quyết định số 1327/QĐ-UBND, Hội đồng xét xử xem xét đến nguồn gốc đất và quá trình sử dụng diện tích 417m^2 đất thu hồi tại dự án của hộ gia đình ông N.V.N.

Về nguồn gốc, quá trình sử dụng đất:

Diện tích 417m^2 đất thuộc thửa đất số 576, tờ bản đồ số 16, diện tích 201m^2 và thửa đất số 607, tờ bản đồ số 16, diện tích 216m^2, bản đồ đo năm 1994 xã L.M nay là phường L.M do hộ gia đình ông N.V.N đang sử dụng bị thu hồi để thực hiện dự án Khu công nghệ cao sinh học là đất nông nghiệp thuộc Khu xứ đồng Sống Cao.

Khu xứ đồng Sống Cao thuộc thôn Y.N xã L.M, huyện Từ Liêm, TPHN (nay là TDP Y.N, phường L.M, quận B.T.L, TPHN) tại thời điểm giao đất nông nghiệp theo Nghị định 64/CP của Chính phủ thì khu đất trên thuộc quỹ đất nông nghiệp được đưa vào để giao đất nông nghiệp cho các hộ gia đình, cá nhân. Tuy nhiên, Hợp tác xã Y.N có 02 đội sử dụng diện tích đất ngoài bãi sông Hồng và 01 đội sử dụng đất trong đồng (Khu sống cao), các hộ ý kiến nếu cấp sổ đỏ trong khu sống cao thì phải cấp sổ cho cả khu ngoài bãi sông. Do đó, Hợp tác xã Y.N trước đây đã thống nhất để lại không giao diện tích đất Khu xứ đồng Sống Cao.

Diện tích đất thuộc khu xứ đồng Sống Cao không được thống kê vào hiện trạng sử dụng đất của hộ gia đình ông N.V.N tại Phương án giao đất nông nghiệp chi tiết và được xác định là đất nông nghiệp không giao do UBND xã quản lý. Phương án giao đất nông nghiệp theo Nghị định 64/CP của UBND xã L.M (nay là UBND phường L.M), hộ gia đình ông N.V.N có 06 nhân khẩu, được giao 1.548m^2 đất nông nghiệp, hộ gia đình hiện đang sử dụng 1.118m^2 đất. Trên thực tế gia đình ông N mới được cấp GCN-QSD đất nông nghiệp diện tích 698m^2 (gồm thửa 186, tờ bản đồ số 8, diện tích 312 m2 và thửa 85, tờ bản đồ số 15, diện tích 386 m2), so với hạn mức nhân khẩu trong phương án giao đất còn thiếu. Tuy nhiên, hộ gia đình ông N.V.N không thực hiện việc kê khai đề nghị giao đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất đang sử dụng tại Xứ đồng Sống Cao và cũng không có khiếu nại, ý kiến về việc giao đất của UBND xã L.M, UBND huyện Từ Liêm trước đây. Do Hội đồng giao đất nông nghiệp xã L.M không lập phương án giao đất tại khu xứ đồng Sống Cao và hộ gia đình ông N.V.N không kê khai đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên UBND huyện Từ Liêm trước đây không xem xét việc giao đất, cấp GCN QSDĐ cho hộ gia đình ông N.V.N đang sử dụng đất tại khu vực này. Hộ gia đình ông N.V.N vẫn sử dụng ổn định vào mục đích sản xuất nông nghiệp tại Khu Sống cao từ thời điểm khoán 10, khoán 100 đến nay. UBND xã L.M, UBND huyện Từ Liêm trước đây không thực hiện việc thu hồi đất lại diện tích đất nông nghiệp không giao cho hộ gia đình ông N.V.N tại khu xứ đồng Sống Cao để quản lý theo quy định và cũng không ký hợp đồng thuê đất đối với các hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất.

Do đó, xác định diện tích 417m^2 đất hộ gia đình ông N.V.N sử dụng có nguồn gốc là đất nông nghiệp không có văn bản giao đất, không nằm trong hạn mức giao đất theo Nghị định 64/CP mà thuộc quỹ đất nông nghiệp do UBND phường L.M quản lý. UBND quận B.T.L xác định 417m^2 đất nông nghiệp không giao do UBND phường L.M quản lý (thuộc thửa đất số 576, tờ bản đồ số 16, diện tích 201m^2 và thửa đất số 607, tờ bản đồ số 16, diện tích 216m^2) bản đồ đo năm 1994 phường L.M, hiện hộ gia đình ông N.V.N đang sử dụng trước ngày 01/7/2004 có căn cứ phù hợp với các quy định của Bộ luật đất đai 2013.

Từ những phân tích trên nhận thấy Quyết định số 1327/QĐ-UBND ngày 11/4/2016 của UBND quận B.T.L về việc thu hồi đất được ban hành đúng thẩm quyền, tuân thủ trình tự, thủ tục và có căn cứ theo quy định Điều 69 Luật đất đai 2013.

[3] Xét Quyết định số 1398/QĐ-UBND ngày 11/4/2016 của UBND quận B.T.L về phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ chi tiết và Phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ và tái định cư kèm theo Quyết định 1398, thấy rằng:

Ngày 11/4/2016, UBND quận B.T.L ban hành Quyết định số 1327/QĐ-UBND về việc thu hồi đất và Quyết định số 1398/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ để thực hiện Dự án Khu công nghệ cao sinh học Hà Nội đối với hộ

gia đình ông N.V.N theo đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định Điều 62, 66, 67, 69 Luật đất đai năm 2013.

Xét nội dung Quyết định số 1398/QĐ-UBND, Hội đồng xét xử xem xét phương án bồi thường, hỗ trợ đối với hộ gia đình ông N.V.N thấy rằng:

Bồi thường, hỗ trợ về đất: Diện tích 417m^2 đất thu hồi của hộ gia đình ông N.V.N được xác định là đất nông nghiệp không giao do UBND phường L.M quản lý (thuộc thửa đất số 576, tờ bản đồ số 16, diện tích 201m^2 và thửa đất số 607, tờ bản đồ số 16, diện tích 216m^2) bản đồ đo năm 1994 phường L.M sử dụng trước ngày 01/7/2004. Do đó, UBND quận B.T.L phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ đối với hộ gia đình ông N.V.N đã bồi thường 01 lần giá đất nông nghiệp là đúng với quy định tại khoản 2 Điều 77 Luật Đất đai năm 2013.

Bồi thường, hỗ trợ về tài sản: Tại phiên tòa, người khởi kiện đã làm đơn đề nghị rút yêu cầu bồi thường hỗ trợ tài sản trên đất gồm: Gạch xây: (1,95+0,89)*1.315.288 đồng*20% = 747.084 đồng; Khối lượng trát: (17,64+7,84) *47.291 đồng *20% = 240.995 đồng; Giếng khoan: 2*3.209.000 đồng *20% = 1.283.600 đồng; Hàng rào lưới thép B40: 367*255.000 đồng *90% = 84.226.500 đồng. Lý do xin rút một phần yêu cầu khởi kiện do Quyết định số 3104/QĐ-UBND ngày 29/7/2016 của Chủ tịch UBND quận B.T.L về việc giải quyết đơn khiếu nại lần đầu đã quyết định bồi thường về công trình bằng 100% đơn giá xây dựng cho hộ gia đình ông N.V.N. Căn cứ Điều 173 Luật tố tụng hành chính, Hội đồng xét xử xét thấy việc rút một phần yêu cầu khởi kiện là tự nguyện nên chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu trên của người khởi kiện.

Người khởi kiện ông N.V.N đề nghị được bồi thường, hỗ trợ ổn định đời sống, hỗ trợ chuyển đổi nghề và tạo việc làm bằng 5 lần giá đất nông nghiệp đối với phần diện tích 417m^2 đất nông nghiệp hộ gia đình đang sử dụng căn cứ điểm d khoản 1 điều 19, khoản 1 điều 20 nghị định 47/2014/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung theo nghị định 01/2017/NĐ-CP; khoản 2 điều 12 quyết định 10/2017 của UBND TPHN. Một trong chứng cứ cho yêu cầu khởi kiện là Bản án số 12/2017/HC-ST ngày 31/7/2017 của Tòa án nhân dân TPHN đã căn cứ Điều 62, 66, 74, 83, 84 Luật đất đai 2013; Điều 19, 20 Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5//2014 của Chính phủ; Điều 4 Nghị định 01/2017/NĐ-CP ngày 06/1/2017 của Chính phủ quyết định chấp nhận phương án hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm bằng 5 lần giá đất nông nghiệp. Bản án trên đã có hiệu lực pháp luật. Tuy nhiên bản án này đã bị Tòa án nhân dân cấp cao đã xử Giám đốc thẩm và quyết định hủy toàn bộ Bản án sơ thẩm nói trên để xét xử lại theo thẩm quyền. Mặt khác, tại thời điểm hộ gia đình ông N.V.N bị thu hồi đất là vào năm 2016 khi đó Nghị định 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 chưa ban hành. Điều 5 của Nghị định 01/2017/NĐ-CP quy định về Điều khoản chuyển tiếp như sau: "Trường hợp đã có quyết định thu hồi đất và có phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư được phê duyệt theo quy định của pháp luật về đất đai trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục

thực hiện theo phương án đã phê duyệt và không áp dụng theo quy định của Nghị định này". Như vậy, hộ gia đình ông N.V.N đã được bồi thường về đất theo giá đất nông nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 77 Luật Đất đai năm 2013 nên không thuộc đối tượng được hỗ trợ ổn định đời sống, sản xuất quy định tại Điều 19 Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ và cũng không được tính hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm bằng 5 lần giá đất nông nghiệp theo quy định tại khoản 1 Điều 20 Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử nhận thấy Quyết định số 1398/QĐ-UBND ngày 11/4/2016 của UBND quận B.T.L về phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ chi tiết và Phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ và tái định cư kèm theo Quyết định 1398 đúng quy định của pháp luật về đất đai. Do đó, yêu cầu khởi kiện của ông N.V.N đề nghị hủy Quyết định số 1398/QĐ-UBND ngày 11/4/2016 của UBND quận B.T.L về phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ chi tiết và yêu cầu buộc UBND quận B.T.L ra quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ bổ sung gồm: Hỗ trợ, đào tạo chuyển đổi nghề 417m^2*201.600 đồng*5 = 420.336.000 đồng; Hỗ trợ ổn định đời sống, sản xuất 15.200 đồng*30kg*6 tháng*6 khẩu = 16.416.000 đồng không có cơ sở để chấp nhận.

[4] Xét Quyết định số 3104/QĐ-UBND ngày 29/7/2016 của Chủ tịch UBND quận B.T.L về việc giải quyết đơn khiếu nại lần đầu, thấy rằng:

Xét về thẩm quyền, Quyết định số 3104/QĐ-UBND ngày 29/7/2016 được ban hành đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 18 Luật khiếu nại.

Xét về trình tự ban hành, sau khi nhận đơn khiếu nại của ông N.V.N, người bị kiện đã tiến hành thụ lý đơn khiếu nại và tiến hành xác minh nội dung khiếu nại. Căn cứ vào kết quả xác minh, Chủ tịch UBND quận B.T.L ban hành quyết định giải quyết khiếu nại là đúng trình tự, thủ tục quy định Điều 27, 28, 29 Luật khiếu nại năm 2011. Về hình thức, Quyết định được lập thành văn bản theo đúng quy định Điều 31 Luật khiếu nại năm 2011.

Xét căn cứ ban hành quyết định, Hội đồng xét xử nhận thấy Quyết định số 3104/QĐ-UBND ngày 29/7/2016 đã quyết định: "Giữ nguyên Quyết định số 1327/QĐ-UBND ngày 11/4/2016 và Quyết định số 1398/QĐ-UBND ngày 11/4/2016 của UBND quận B.T.L về việc thu hồi đất và phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ chi tiết đối với hộ gia đình ông N.V.N (Lợi) khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án: Xây dựng Khu công nghệ cao sinh học tại phường L.M, quận B.T.L. Giao Hội đồng bồi thường hỗ trợ và tái định cư Quận xem xét trình UBND Quận phê duyệt bổ sung phương án bồi thường, hỗ trợ cho hộ gia đình ông N.V.N (Lợi) theo hướng: Bồi thường 100% đơn giá công trình xây dựng đối với các công trình phục vụ sản xuất nông nghiệp theo quy định của pháp luật." Như trên đã phân tích, Quyết định số 1327/QĐ-UBND ngày 11/4/2016 và Quyết định số 1398/QĐ-UBND ngày 11/4/2016 của UBND quận B.T.L về việc thu hồi đất và phê

duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ chi tiết đối với hộ gia đình ông N.V.N được ban hành đúng thẩm quyền, tuân thủ đúng trình tự thủ tục và có căn cứ theo Luật đất đai 2013. Nên nội dung của Quyết định số 3104/QĐ-UBND đúng theo quy định của Luật đất đai 2013.

Từ phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy Quyết định số 3104/QĐ-UBND ngày 29/7/2016 của Chủ tịch UBND quận B.T.L về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông N.V.N được ban hành đúng về hình thức văn bản, trình tự, thủ tục và nội dung có căn cứ theo quy định của Luật khiếu nại năm 2011, Luật đất đai năm 2013. Do đó yêu cầu khởi kiện của ông N.V.N đề nghị hủy Quyết định số 3104/QĐ-UBND ngày 29/7/2016 của Chủ tịch UBND quận B.T.L không có cơ sở để chấp nhận

[5] Xét Quyết định số 6915/QĐ-UBND ngày 15/12/2016 của Chủ tịch UBND TPHN về việc giải quyết khiếu nại lần hai, thấy rằng:

Xét về thẩm quyền, Quyết định số 6915/QĐ-UBND ngày 15/12/2016 của Chủ tịch UBND TPHN được ký và ban hành là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 21 Luật khiếu nại.

Xét về trình tự ban hành, sau khi nhận đơn khiếu nại của ông N.V.N, Chủ tịch UBND TPHN đã tiến hành thụ lý đơn khiếu nại và tiến hành xác minh nội dung khiếu nại lần 2. Căn cứ vào kết quả xác minh, đối thoại, Chủ tịch UBND TPHN ban hành quyết định giải quyết khiếu nại lần 2 là đúng trình tự, thủ tục quy định Điều 36, 37, 38, 39 Luật khiếu nại năm 2011. Về hình thức, Quyết định được lập thành văn bản theo đúng quy định Điều 40 Luật khiếu nại năm 2011.

Xét căn cứ ban hành quyết định, Hội đồng xét xử nhận thấy nội dung Quyết định số 6915/QĐ-UBND ngày 15/12/2016 của Chủ tịch UBND TPHN: Đồng ý Quyết định số 3104/QĐ-UBND ngày 29/7/2016 của Chủ tịch UBND quận B.T.L về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông N.V.N. Như trên đã phân tích, Quyết định số 3104/QĐ-UBND ngày 29/7/2016 của Chủ tịch UBND quận B.T.L giải quyết khiếu nại lần đầu là đúng về trình tự, thủ tục, thẩm quyền và nội dung theo quy định của pháp luật nên nội dung Quyết định số 6915/QĐ-UBND đúng theo quy định của pháp luật.

Từ phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy Quyết định số 6915/QĐ-UBND ngày 15/12/2016 của Chủ tịch UBND TPHN về việc giải quyết khiếu nại lần hai của ông N.V.N được ban hành đúng về hình thức văn bản, trình tự, thủ tục và nội dung có căn cứ theo quy định của Luật khiếu nại năm 2011. Do đó yêu cầu khởi kiện của ông N.V.N đề nghị hủy Quyết định số 6915/QĐ-UBND ngày 15/12/2016 của Chủ tịch UBND TPHN không có căn cứ để chấp nhận.

[6] Về án phí: Ông N.V.N sinh năm 1960. Ông N.V.N đã 61 tuổi. Theo Điều 2 Luật người cao tuổi năm 2009 quy định: "*Công dân Việt Nam từ 60 tuổi trở lên*", Ông N.V.N xác định là người cao tuổi. Căn cứ Điều 12 Nghị quyết

326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án, người cao tuổi cũng là một trong các đối tượng được miễn nộp án phí Tòa án. Do đó, Ông N.V.N không phải nộp tiền án phí Tòa án.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, điểm b khoản 2 Điều 116, khoản 2 Điều 173, điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 194, Điều 204, Điều 206, Điều 348 Bộ luật Tố tụng hành chính;

Luật đất đai 2013; Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai; Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Điều 18, 21, 27, 28, 29, 36, 37, 38, 39, 40 Luật khiếu nại năm 2011; Nghị định số 75/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khiếu nại;

Luật Phí và Lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của ông N.V.N về việc yêu cầu hủy các quyết định gồm: Quyết định số 1398/QĐ-UBND ngày 11/4/2016 của UBND quận B.T.L về phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ chi tiết; Quyết định số 3104/QĐ-UBND ngày 29/7/2016 của Chủ tịch UBND quận B.T.L về việc giải quyết đơn khiếu nại lần đầu; Quyết định số 6915/QĐ-UBND ngày 15/12/2016 của Chủ tịch UBND TPHN về việc giải quyết khiếu nại lần hai.

Bác yêu cầu khởi kiện của ông N.V.N về việc buộc UBND quận B.T.L ra quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ bổ sung gồm: Hỗ trợ, đào tạo chuyển đổi nghề 417m^2*201.600 đồng*5 = 420.336.000 đồng; Hỗ trợ ổn định đời sống, sản xuất 15.200 đồng*30kg*6 tháng*6 khẩu = 16.416.000 đồng.

2. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện đề nghị bồi thường, hỗ trợ về tài sản gồm: Gạch xây: (1,95+0,89)*1.315.288 đồng*20% = 747.084 đồng; Khối lượng trát: (17,64+7,84) *47.291 đồng *20% = 240.995 đồng; Giếng khoan:

2*3.209.000 đồng *20% = 1.283.600 đồng; Hàng rào lưới thép B40: 367*255.000 đồng *90% = 84.226.500 đồng.

3. Về án phí: Ông N.V.N được miễn nộp phí hành chính sơ thẩm.

Người khởi kiện có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo đúng quy định của pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKS TP Hà Nội;
- THADS TP Hà Nội;
- Lưu HS.

Trần Thị Thanh Thảo